

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 25 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Kiên Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2022*

## **BÁO CÁO**

**Về tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021.  
Kỳ báo cáo: tháng 12 năm 2021**

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công;

UBND tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công tháng 12 năm 2021 như sau:

### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**

#### **1. Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm (kèm theo phụ lục):**

Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: 5.477.472 triệu đồng, trong đó:

- Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định: 229.645 triệu đồng.

- Vốn kế hoạch năm: 5.247.827 triệu đồng (tăng 48.888 đồng theo quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang).

Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: 3.439.894 triệu đồng, đạt 62,80% so với kế hoạch giao, trong đó:

- Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 131.142 triệu đồng, đạt 57,11% kế hoạch giao;

- Thanh toán vốn kế hoạch năm là: 3.308.752 triệu đồng, đạt 63,05% kế hoạch giao.

BAN NHÀ

- Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 131.142 triệu đồng, đạt 57,11% kế hoạch giao;
- Thanh toán vốn kế hoạch năm là: 4.361.938 triệu đồng, đạt 83,12% kế hoạch giao.

**2. Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước (nếu có) và kết quả thực hiện vốn ứng trước chưa thu hồi: không.**

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công đến tháng 12 năm 2021 đạt 62,80%, đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân chậm thực hiện và thanh toán vốn kế hoạch năm:

- Tác động của dịch bệnh COVID-19 kéo dài trên địa bàn tỉnh làm ảnh hưởng đến công tác triển khai và thực hiện thi công các công trình làm chậm tiến độ thực hiện công trình.
- Biến động về giá vật liệu, đặc biệt là giá thép ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án.
- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của một số sở, ngành và chủ đầu tư chưa quyết liệt, chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, công tác lựa chọn nhà thầu, giải phóng mặt bằng còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

## **III. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ**

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và cũng đã ban hành Công văn số 612/UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và vốn kéo dài để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đầu tư công của tỉnh năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện bố trí đủ vốn cho địa phương đối với nguồn vốn Trung ương giai đoạn năm 2021-2025.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

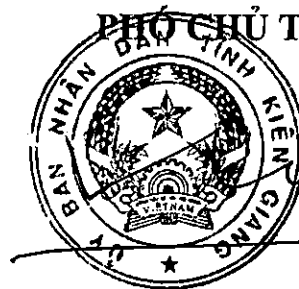


Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nhân**



**Phụ lục**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2021 - THÁNG 12**

(Kèm theo Báo cáo số 25 /BC-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo		
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm
1	2	3=4+5	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
	TỔNG SỐ	5.477.472	229.645	5.247.827	5.247.827	3.439.894	131.142	101.400	29.742	3.308.752	2.247.787	1.060.965	4.493.080	131.142	4.361.938
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	5.477.472	229.645	5.247.827	5.247.827	3.439.894	131.142	101.400	29.742	3.308.752	2.247.787	1.060.965	4.493.080	131.142	4.361.938
	Vốn trong nước	5.162.177	178.527	4.983.650	4.983.650	3.224.387	113.224	92.260	20.964	3.111.163	2.058.765	1.052.398	4.248.049	113.224	4.134.825
	Vốn nước ngoài, trong đó:	614.590	43.118	264.177	264.177	215.507	17.918	9.140	8.778	197.589	189.022	8.567	245.031	17.918	227.113
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	577.352	24.499	264.177	264.177	208.922	11.333	2.745	8.588	197.589	189.022	8.567	238.446	11.333	227.113
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	37.238	18.619	0	0	6.585	6.585	6.395	190	0	0	0	6.585	6.585	0
B.1	Vốn NSNN	5.477.472	229.645	5.247.827	5.247.827	3.439.894	131.142	101.400	29.742	3.308.752	2.247.787	1.060.965	4.493.080	131.142	4.361.938
	Vốn trong nước	5.162.177	178.527	4.983.650	4.983.650	3.224.387	113.224	92.260	20.964	3.111.163	2.058.765	1.052.398	4.248.049	113.224	4.134.825
	Vốn nước ngoài, trong đó:	614.590	43.118	264.177	264.177	215.507	17.918	9.140	8.778	197.589	189.022	8.567	245.031	17.918	227.113
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	577.352	24.499	264.177	264.177	208.922	11.333	2.745	8.588	197.589	189.022	8.567	238.446	11.333	227.113
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	37.238	18.619	0	0	6.585	6.585	6.395	190	0	0	0	6.585	6.585	0
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương	4.105.797	127.407	3.978.390	3.978.390	2.515.978	88.307	75.615	12.692	2.427.671	1.737.450	690.221	3.388.230	88.307	3.299.923
2	Vốn ngân sách trung ương:	1.371.675	102.238	1.269.437	1.269.437	923.916	42.835	25.785	17.050	881.081	510.337	370.744	1.104.850	42.835	1.062.015
	Vốn trong nước	1.056.380	51.120	1.005.260	1.005.260	708.409	24.917	16.645	8.272	683.492	321.315	362.177	859.819	24.917	834.902
	Vốn nước ngoài, trong đó:	307.295	43.118	264.177	264.177	215.507	17.918	9.140	8.778	197.589	189.022	8.567	245.031	17.918	227.113
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	288.676	24.499	264.177	264.177	208.922	11.333	2.745	8.588	197.589	189.022	8.567	238.446	11.333	227.113
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	18.619	18.619	0	0	6.585	6.585	6.395	190	0	0	0	6.585	6.585	0
2.1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.336.271	66.834	1.269.437	1.269.437	909.478	28.397	11.651	16.746	881.081	510.337	370.744	1.090.412	28.397	1.062.015
	Vốn trong nước	1.028.976	23.716	1.005.260	1.005.260	693.971	10.479	2.511	7.968	683.492	321.315	362.177	845.381	10.479	834.902
	Vốn nước ngoài, trong đó:	307.295	43.118	264.177	264.177	215.507	17.918	9.140	8.778	197.589	189.022	8.567	245.031	17.918	227.113
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	288.676	24.499	264.177	264.177	208.922	11.333	2.745	8.588	197.589	189.022	8.567	238.446	11.333	227.113
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	18.619	18.619			6.585	6.585	6.395	190	0			6.585	6.585	0
2.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	27.404	27.404	0	0	14.438	14.438	14.134	304	0	0	0	14.438	14.438	0
	Vốn trong nước	27.404	27.404			14.438	14.438	14.134	304	0			14.438	14.438	
	Vốn nước ngoài, trong đó:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	0				0	0			0			0		
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	0				0	0			0			0	0	
2.3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao	8.000	8.000			0	0			0			0	0	0
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định	0				0	0			0			0		